

Số: 65/KH-CCKL

Sơn La, ngày 03 tháng 4 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai công tác theo dõi diễn biến rừng tỉnh Sơn La năm 2025

Căn cứ Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng; Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kế hoạch số 214/KH-UBND ngày 22/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô năm 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La. Chi cục Kiểm lâm xây dựng kế hoạch triển khai công tác theo dõi diễn biến rừng tỉnh Sơn La năm 2025 theo các nội dung cụ thể sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Theo dõi diễn biến rừng nhằm xác định diện tích các loại rừng, đất quy hoạch phát triển rừng hiện có; xác định, kiểm tra và cập nhật kịp thời các biến động của từng loại rừng, từng chủ rừng nhằm phục vụ công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch trong quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và phục vụ công tác chỉ trả dịch vụ môi trường rừng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để thu thập, cập nhật các biến động về rừng và đất lâm nghiệp ngoài thực địa, nâng cao năng lực tham mưu của kiểm lâm địa bàn trong việc giúp Hạt Kiểm lâm và chính quyền các cấp thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp.

2. Yêu cầu

- Nắm vững tình hình tài nguyên rừng thể hiện bằng số liệu và bản đồ; duy trì, quản lý và khai thác thông tin về diễn biến rừng toàn tỉnh bằng phần mềm cơ sở dữ liệu được cài đặt trên máy tính tại các Hạt kiểm lâm, Chi cục Kiểm lâm;

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ cao, hiện đại trong quản lý, giám sát biến động rừng, thường xuyên theo dõi thông tin Cảnh báo biến động rừng tại địa chỉ <http://canhbaomatrung.kiemlam.org.vn>; Hệ thống cảnh báo mất rừng, suy thoái rừng và cảnh báo sớm cháy rừng để kịp thời phát hiện các vị trí biến động rừng trên địa bàn quản lý;

- Theo dõi, tổng hợp số liệu diễn biến rừng theo trạng thái, chủ rừng, mục đích sử dụng và theo dõi diễn biến diện tích rừng tăng, giảm theo các nguyên nhân khác nhau đến từng tiểu khu - khoảnh - lô; xác lập, lưu trữ đầy đủ hồ sơ, thành quả theo dõi diễn biến rừng (bao gồm file bản đồ, biểu tổng hợp dạng giấy và dạng số).

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Sử dụng phần mềm FRMS phiên bản 4.0

- Cài đặt, cập nhật và vận hành hệ thống theo dõi diễn biến rừng trong lực lượng Kiểm lâm Sơn La theo Quyết định số 4539/QĐ-BNN-TCLN ngày 06/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Phần mềm cập nhật diễn biến rừng.

- Thực hiện biên tập, chuyển đổi dữ liệu bản đồ trên phần mềm theo dõi diễn biến rừng FRMS phiên bản 4.0.

2. Phối hợp, lồng ghép các chương trình, dự án tổ chức tập huấn, đào tạo, hướng dẫn sử dụng các phần mềm chuyên ngành lâm nghiệp cho Kiểm lâm viên phụ trách kỹ thuật của các đơn vị, kiểm lâm viên phụ trách địa bàn và lực lượng quản lý rừng viên (*dự kiến triển khai tổ chức trong quý III/2025*).

3. Hướng dẫn phụ trách kỹ thuật của các đơn vị

- Hướng dẫn cài đặt, cập nhật, chạy, cấu hình phần mềm theo dõi diễn biến rừng FMRS Desktop phiên bản 4.0.

- Hướng dẫn sử dụng phần mềm, sử dụng bản đồ phục vụ theo dõi diễn biến rừng.

- Hướng dẫn kỹ năng cập nhật lên bản đồ, thông tin lô đất lâm nghiệp, lô rừng.

- Hướng dẫn sử dụng phần mềm FRMS Mobile phiên bản 4.0.1 tích hợp trên máy tính bảng phục vụ theo dõi diễn biến rừng.

- Hướng dẫn vận hành, khai thác, sử dụng dữ liệu các điểm biến động về rừng và đất lâm nghiệp do Chi cục Kiểm lâm cung cấp từ Hệ thống cảnh báo mất rừng, suy thoái rừng và cảnh báo sớm cháy rừng; hướng dẫn cách khai thác, tiếp cận và thu thập các điểm biến động.

- Hỗ trợ, hướng dẫn khai thác, sử dụng dữ liệu diễn biến rừng để phục vụ các công việc liên quan đến lĩnh vực lâm nghiệp.

- Hỗ trợ, hướng dẫn cập nhật dữ liệu kết quả rà soát diện tích đất lâm nghiệp tỉnh Sơn La theo Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 vào phần mềm theo dõi diễn biến rừng.

4. Hướng dẫn, hỗ trợ cho kiểm lâm địa bàn

- Giới thiệu phần mềm; hướng dẫn sử dụng phần mềm FRMS Mobile phiên bản 4.0.1 tích hợp trên máy tính bảng trong công tác thu thập, cập nhật các biến động về rừng và đất lâm nghiệp.

- Hướng dẫn, hỗ trợ kiểm lâm địa bàn kiểm tra, rà soát ngoài thực địa với hồ sơ diễn biến rừng năm 2024; các điểm nghi có biến động được phát hiện từ Hệ thống cảnh báo biến động rừng; rà soát, đào tạo tập huấn các phần mềm chuyên ngành trong lâm nghiệp như Qgis, Mapinfor, phần mềm tuần tra rừng Smart,...

5. Tập huấn nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bảo vệ, phát triển rừng và theo dõi diễn biến rừng

- Tập huấn nâng cao kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành (Mapinfor, QGIS, FRMS Destop,...) trong công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng, theo dõi diễn biến rừng cho đội ngũ kiểm lâm viên phụ trách kỹ thuật của các đơn vị.

- Hướng dẫn sử dụng các phần các phần mềm chuyên ngành (Mapinfor, QGIS, FRMS Mobile, Smart,...) trong công tác tuần tra, quản lý bảo vệ rừng, xác minh, đo đếm các biến động về rừng và đất lâm nghiệp cho lực lượng Kiểm lâm địa bàn, quản lý bảo vệ rừng viên.

6. Thực hiện công tác theo dõi diễn biến rừng

Thực hiện theo quy định của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng; Thông tư số 16/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng; Quyết định số 4539/QĐ-BNN-TCLN ngày 06/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Phần mềm cập nhật diễn biến rừng.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí: **220.000.000 (Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn)**. Kinh phí giao tại Quyết định số 592/QĐ-CCKL ngày 31/12/2024 của Chi cục Kiểm lâm về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các đơn vị quản lý nhà nước trực thuộc Chi cục Kiểm lâm (*Có phụ lục dự toán chi tiết kèm theo*).

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN: Trong năm 2025.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Quản lý bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên

- Phối hợp với Hạt kiểm lâm các huyện, thành phố, Ban quản lý các khu rừng đặc dụng, Ban quản lý các khu rừng đặc dụng - phòng hộ, Khu bảo tồn thiên nhiên hướng dẫn kiểm lâm địa bàn, cán bộ quản lý bảo vệ rừng chuyên trách kiểm tra, rà soát ngoài thực địa với hồ sơ diễn biến rừng năm 2024; hồ sơ chi trả dịch vụ môi trường rừng nguồn thu năm 2024.

- Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra công tác tổng hợp, cập nhật số liệu, bản đồ của kiểm lâm các huyện, thành phố; hỗ trợ, hướng dẫn cập nhật dữ liệu kết quả rà soát diện tích đất lâm nghiệp tỉnh Sơn La theo Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 vào phần mềm theo dõi diễn biến rừng.

- Thường xuyên cập nhật các điểm nghi có biến động về rừng và đất lâm nghiệp trên Hệ thống Cảnh báo biến động rừng (Cục Kiểm lâm); Hệ thống cảnh

báo mất rừng, suy thoái rừng và cảnh báo sớm cháy rừng, cung cấp kịp thời các điểm nghi có biến động cho các Hạt Kiểm lâm và chủ rừng tổ chức kiểm tra, xác minh; hỗ trợ Hạt Kiểm lâm, chủ rừng và kiểm lâm địa bàn, cán bộ quản lý bảo vệ rừng chuyên trách trong việc xác định, cập nhật các điểm nghi có biến động.

- Tổng hợp dữ liệu về việc điều chỉnh sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã trên địa bàn tỉnh. Đề nghị Cục Kiểm lâm hỗ trợ cập nhật ranh giới hành chính mới vào Hệ thống theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp nhằm đảm bảo diện tích tại các địa phương thống nhất theo điều chỉnh địa giới, ranh giới hành chính của các xã, các huyện.

- Tổng hợp số liệu, tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND tỉnh công bố hiện trạng rừng của tỉnh và báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT theo quy định; Quản lý, lưu trữ hồ sơ, cơ sở dữ liệu rừng cấp tỉnh.

- Tổng hợp danh sách công chức, viên chức, quản lý bảo vệ rừng viên có khả năng, nhu cầu đào tạo, tập huấn sử dụng các phần mềm chuyên ngành lâm nghiệp; xây dựng kế hoạch phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn sử dụng các phần mềm chuyên ngành lâm nghiệp do các tổ chức, đơn vị có năng lực hỗ trợ.

2. Hạt kiểm lâm các huyện, thành phố

- Tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp huyện chỉ đạo triển khai thực hiện theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng trên địa bàn huyện.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ rừng tổ chức theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng trên diện tích được giao; giao nhiệm vụ cho Kiểm lâm phụ trách địa bàn tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng trên địa bàn xã; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ rừng và tổ chức được giao quản lý rừng và đất quy hoạch phát triển rừng báo cáo thông tin biến động về rừng và đất quy hoạch phát triển rừng theo quy định.

- Chỉ đạo, đôn đốc kiểm lâm phụ trách địa bàn bám, nắm địa bàn, kịp thời phát hiện, kiểm tra, thu thập các điểm biến động về rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn được giao phụ trách.

- Phối hợp với chủ đầu tư thực hiện dự án điều chỉnh sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã trên địa bàn cung cấp dữ liệu về việc điều chỉnh sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã trên địa bàn cho Chi cục Kiểm lâm, gồm: (1) Văn bản điều chỉnh, sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã; (2) tệp tin dạng không gian đường địa giới hành chính cấp huyện, xã sau điều chỉnh phù hợp, thống nhất với kết quả đã được phê duyệt.

- Tổng hợp kết quả diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng báo cáo Chi cục Kiểm lâm và UBND cấp huyện; lập hồ sơ phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng trình UBND cấp huyện, thành phố quyết định công bố hiện trạng rừng năm trước của huyện, thành phố và gửi báo cáo kết quả về Chi cục Kiểm lâm trước ngày 31 tháng 01 năm 2026; Quản lý, lưu trữ hồ sơ và cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng cấp huyện theo quy định.

- Lập và cung cấp danh sách công chức, viên chức có khả năng, nhu cầu đào tạo, tập huấn sử dụng các phần mềm chuyên ngành lâm nghiệp để Chi cục Kiểm lâm tổng hợp, phối hợp xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn.

3. Ban quản lý rừng đặc dụng: Xuân Nha, Tà Xùa; Ban quản lý rừng đặc dụng - phòng hộ: Thuận Châu, Sốp Cộp; Ban quản lý khu BTTN Mường La

Tổ chức theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng trên diện tích được giao theo quy định; báo cáo thông tin biến động về rừng và đất lâm nghiệp cho Hạt Kiểm lâm cấp huyện tổng hợp, cập nhật những biến động vào phần mềm theo dõi diễn biến rừng.

- Lập và cung cấp danh sách công chức, viên chức, quản lý bảo vệ rừng viên có khả năng, nhu cầu đào tạo, tập huấn sử dụng các phần mềm chuyên ngành lâm nghiệp để Chi cục Kiểm lâm tổng hợp xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn.

Yêu cầu các phòng, các đơn vị trực thuộc trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp tổ chức thực hiện kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Lãnh đạo CCKL;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, QLBR.

CHI CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Huy Tuấn

DỰ TOÁN KINH PHÍ THEO DÕI DIỄN BIẾN RỪNG NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số: 65/KH-CCKL ngày 03/4/2025 của Chi cục Kiểm lâm)

TT	Nội dung	ĐVT	Số người	Số lượng	Đơn giá (ngìn đồng)	Thành tiền (ngìn đồng)
I	Chi công tác hướng dẫn, hỗ trợ cập nhật số liệu theo dõi DBR; kiểm tra, rà soát diện tích đất lâm nghiệp có biến động năm 2025					63,130
1	Huyện Quỳnh Nhai					5,120
	Phụ cấp lưu trú 04 người x 03 ngày	Ngày	4	3	160	1,920
	Tiền nghỉ khoán 04 người	Tối	4	2	200	1,600
	Tiền tự túc phương tiện công tác	Lượt	4	2	70	560
	Tiền hỗ trợ xăng xe đến các điểm biến động (130km x 20.000đ x 0,1 lít x 4 xe)					1,040
2	Huyện Thuận Châu					4,608
	Phụ cấp lưu trú 04 người x 03 ngày	Ngày	4	3	160	1,920
	Tiền nghỉ khoán 04 người	Tối	4	2	200	1,600
	Tiền tự túc phương tiện công tác	Lượt	4	2	36	288
	Tiền hỗ trợ xăng xe đến các điểm biến động (100km x 20.000đ x 0,1lít x 4 xe)					800
3	Huyện Mường La					3,136
	Phụ cấp lưu trú 04 người x 02 ngày	Ngày	4	2	160	1,280
	Tiền nghỉ khoán 04 người	Tối	4	1	200	800
	Tiền tự túc phương tiện công tác	Lượt	4	2	32	256
	Tiền hỗ trợ xăng xe đến các điểm biến động (100km x 20.000đ x 0,1 lít x 4 xe)					800
4	Huyện Sông Mã					5,176
	Phụ cấp lưu trú 04 người x 03 ngày	Ngày	4	3	160	1,920
	Tiền nghỉ khoán 04 người	Tối	4	2	200	1,600
	Tiền tự túc phương tiện công tác	Lượt	4	2	87	696
	Tiền hỗ trợ xăng xe đến các điểm biến động (120km x 20.000đ x 0,1 lít x 4 xe)					960

5	Huyện Sốp Cộp					5,744
	Phụ cấp lưu trú 04 người x 03 ngày	Ngày	4	3	160	1,920
	Tiền nghỉ khoán 04 người	Tối	4	2	200	1,600
	Tiền tự túc phương tiện công tác	Lượt	4	2	128	1,024
	Tiền hỗ trợ xăng xe đến các điểm biến động (150km x 20.000đ x 0,1 lít x 4 xe)					1,200
6	Huyện Mai Sơn					3,296
	Phụ cấp lưu trú 04 người x 02 ngày	Ngày	4	2	160	1,280
	Tiền nghỉ khoán 04 người	Tối	4	1	200	800
	Tiền tự túc phương tiện công tác	Lượt	4	2	32	256
	Tiền hỗ trợ xăng xe đến các điểm biến động (120km x 20.000đ x 0,1 lít x 4 xe)					960
7	Huyện Yên Châu					5,200
	Phụ cấp lưu trú 04 người x 03 ngày	Ngày	4	3	160	1,920
	Tiền nghỉ khoán 04 người	Tối	4	2	200	1,600
	Tiền tự túc phương tiện công tác	Lượt	4	2	60	480
	Tiền hỗ trợ xăng xe đến các điểm biến động (150km x 20.000đ x 0,1 lít x 4 xe)					1,200
8	Huyện Mộc Châu					5,600
	Phụ cấp lưu trú 04 người x 03 ngày	Ngày	4	3	160	1,920
	Tiền nghỉ khoán 04 người	Tối	4	2	200	1,600
	Tiền tự túc phương tiện công tác	Lượt	4	2	90	720
	Tiền hỗ trợ xăng xe đến các điểm biến động (170km x 20.000đ x 0,1 lít x 4 xe)					1,360
9	Huyện Vân Hồ					7,100
	Phụ cấp lưu trú 05 người x 03 ngày	Ngày	5	3	160	2,400
	Tiền nghỉ khoán 05 người	Tối	5	2	200	2,000
	Tiền tự túc phương tiện công tác	Lượt	5	2	120	1,200
	Tiền hỗ trợ xăng xe đến các điểm biến động (156km x 20.000đ x 0,1 lít x 5 xe)					1,500

10	Huyện Bắc Yên					8,750
	Phụ cấp lưu trú 05 người x 04 ngày	Ngày	5	4	160	3,200
	Tiền nghỉ khoán 05 người	Tối	5	3	200	3,000
	Tiền tự túc phương tiện công tác	Lượt	5	2	90	900
	Tiền hỗ trợ xăng xe đến các điểm biến động (165km x 20.000đ x 0,1 lít x 5 xe)					1,650
11	Huyện Phù Yên					9,400
	Phụ cấp lưu trú 05 người x 04 ngày	Ngày	5	4	160	3,200
	Tiền nghỉ khoán 05 người	Tối	5	3	200	3,000
	Tiền tự túc phương tiện công tác	Lượt	5	2	120	1,200
	Tiền hỗ trợ xăng xe đến các điểm biến động (200km x 20.000đ x 0,1 lít x 5 xe)					2,000
II	Hỗ trợ đào tạo, tập huấn các phần mềm ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, theo dõi diễn biến rừng cho Kiểm lâm phụ trách kỹ thuật và Kiểm lâm địa bàn					156,870
1	Tiền thuê giảng viên					70,070
	Tiền giảng viên: 1.000.000đ/buổi x 4 buổi x 7 HN	buổi	1	28	1,000	28,000
	Tiền soạn bài giảng: 70.000đ/trang x 60 trang x 4 bài giảng (gồm 01 bài giảng nâng cao phần mềm Mapinfor và QGis; 01 bài giảng cơ bản phần mềm Mapinfor và 01 bài giảng cơ bản phần mềm Qgis; 01 bài giảng phần mềm SMART)	trang	1	240	70	16,800
	Tiền ngủ: 1 người: 7 HN x 2 ngày/ HN x 600.000đ/ngày/ phòng	phòng		14	600	8,400
	Tiền ăn giảng viên: 200.000đ/suất x 1 người x 2 ngày/HN x 4 suất/HN x 7 HN	suất	1	28	200	5,600
	Tiền chi phí đi lại: 350.000đ/lượt/người x 2 lượt x 1 người x 7 HN	vé	1	14	350	4,900
	10% VAT					6,370
2	Tiền hội trường, khánh tiết					70,000
	Tiền thuê hội trường bao gồm máy chiếu, đèn chiếu: 5.000.000đ/ngày x 2 ngày/HN x 7 HN	ngày		14	5,000	70,000

3	Chi khác					16,800
	Tiền nước uống giữa giờ: 40.000đ/người/ngày x 2 ngày x 30 người/HN x 7 HN	người	30	14	40	16,800
	Tổng cộng					220,000

Bằng chữ: Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn./.